Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 63, No 6 (2022) 129-134

NEW INCIDENCE OF LUNG CANCER IN HANOI IN THE PERIOD 2015 - 2019

Nguyen Thi Nga[1], Le Thi Vu Huyen[2], Nguyen Thi Thu Thuy[2], Tran Thi Thanh Huong[2], Pham Tuong Van[2,*]

[1]*Vietstar Company - 109 To Hieu, Nguyen Trai, Ha Dong, Hanoi, Vietnam*
[2]*Hanoi Medical University - No.1 Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam*

Received 05/08/2022
Revised 15/09/2022; Accepted 20/10/2022

ABSTRACT

Objectives: This study on the epidemiology of lung cancer in Hanoi from 2015 to 2019 offered crucial details on the situation of the disease and epidemiological characteristics of lung cancer.

Methods: Data was collected retrospectively in a descriptive study with analysis**.**

Results: In Hanoi, 7389 new cases of lung cancer were diagnosed between 2015 and 2019. In which, the age group 70-79 had the highest new incidence rate of age-specific lung cancer (116.2 cases/100.000 population).The crude incidence rate was 20.3/100.000; the age-standardized incidence rate was 19.6/100.000 (with 31.6/100.000 for males and 9.7/100.000 for females); and the age-standardized incidence rate in the inner city was lower (13.7/100.000) than that in the suburban area (19.4/100.000).

Conclusion: Lung cancer was still a public health issue that required special attention. Effective tobacco control initiatives, early detection screening, and improved treatment quality were the top priorities for reducing the negative effects of lung cancer in the community.

Key words: Incidence rate, lung cancer, Hanoi.

*Corressponding author
Email address: phamtuongvan@hmu.edu.vn
Phone number: (+84) 915 252 869
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i6.463

TỈ SUẤT MẮC MỚI UNG THƯ PHỔI TẠI HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

Nguyễn Thị Nga[1], Lê Thị Vũ Huyền[2], Nguyễn Thị Thu Thủy[2], Trần Thị Thanh Hương[2], Phạm Tường Vân[2,*]

[1]Công ty Vietstar - 109 Tô Hiệu, Đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
[2]Đại học Y Hà Nội - Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 05 tháng 08 năm 2022
Chỉnh sửa ngày: 15 tháng 09 năm 2022; Ngày duyệt đăng: 20 tháng 10 năm 2022

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đây là nghiên cứu về dịch tễ học ung thư phổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 – 2019, cung cấp thông tin quan trọng về tình hình mắc bệnh, đặc điểm dịch tễ của ung thư phổi.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả có phân tích, hồi cứu số liệu.

Kết quả: Tổng số ca mắc mới ung thư phổi tại Hà Nội giai đoạn 2015 – 2019 là 7389 ca. Trong đó, tỉ suất mắc mới ung thư phổi đặc trưng theo tuổi cao nhất ở nhóm tuổi 70 – 79 (116,2 ca/100 000 dân). Tỉ suất mắc thô ở cả hai giới là 20,3/100 000 dân; tỉ suất mắc chuẩn hóa theo tuổi ở hai giới là 19,6/100 000 dân (trong đó nam giới là 31,6/100 000 dân và nữ giới là 9,7/100 000 dân); tỉ suất mắc chuẩn hóa theo tuổi ở khu vực nội thành (13,7/100 000 dân) thấp hơn ngoại thành (19,4/100 000 dân).

Kết luận: Ung thư phổi vẫn đang là vấn đề sức khỏe công cộng cần quan tâm đặc biệt. Các chiến lược kiểm soát thuốc lá hiệu quả, sàng lọc phát hiện sớm, cải thiện chất lượng điều trị là những ưu tiên hàng đầu để làm giảm tác hại của ung thư phổi lên sức khỏe cộng đồng.

Từ khóa: Tỉ suất mắc bệnh, ung thư phổi, Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, ung thư phổi đang là loại ung thư phổ biến thứ 2 trên thế giới và là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu trong các tử vong do ung thư. Theo GLOBOCAN 2020, trên thế giới số ca mắc mới của ung thư phổi là 2.206.771 ca (chiếm 11,4% trong tổng số ca ung thư) và số trường hợp tử vong do ung thư phổi là 1.796.144 trường hợp[1]. Tại Việt Nam, từ năm 2012 đến nay, ung thư phổi luôn đứng ở vị trí thứ hai trong cả số ung thư thường gặp và số ca tử vong do ung thư[2], với số ca mắc mới ung thư phổi là 26.262 ca, và số ca tử vong là 23.797 ca. Do vậy, việc phòng chống ung thư nói chung và ung thư phổi nói riêng luôn được xem là vấn đề sức khỏe ưu tiên hàng đầu.

Để xây dựng các chính sách và phân bổ các nguồn lực một cách hợp lý trong phòng chống bệnh tật, các số liệu về dịch tễ học có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Tuy nhiên hiện nay tại Việt Nam, các nghiên cứu về ung thư phổi phần lớn tập trung vào chẩn đoán, điều trị, mà ít các nghiên cứu về dịch tễ học. Do đó nhằm cung cấp dữ

*Tác giả liên hệ
Email: phamtuongvan@hmu.edu.vn
Điện thoại: (+84) 915 252 869
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i6.463

liệu dịch tễ học cho các cơ quan quản lý y tế trong việc xây dựng các chiến lược phòng chống ung thư phổi một cách hiệu quả, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu với với mục tiêu: "Xác định tỉ suất mắc mới ung thư phổi tại Hà Nội giai đoạn 2015 - 2019".

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2022

- Thời gian thu thập số liệu: Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu từ Đơn vị ghi nhận ung thư Hà Nội, đặt tại Viện Ung thư Quốc gia, Bệnh viện K.

- Địa điểm nghiên cứu: Việc thu thập số liệu được thực hiện ở 30 bệnh viện công và tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả có phân tích, hồi cứu số liệu. Số liệu ghi nhận ung thư Hà Nội được ghi nhận từ 30 bệnh viện công và tư trên địa bàn thành phố Hà Nội, theo các nguyên tắc tổ chức ghi nhận ung thư quần thể do Viện Nghiên cứu Ung thư quốc tế (IARC) khuyến cáo, bao gồm:

- Xác định rõ ranh giới địa lý của quần thể sẽ tiến hành ghi nhận, dựa theo phân chia địa lý quốc gia tại thời điểm 01/01/2015 đến 31/12/2019.

- Các địa phương được tiến hành ghi nhận phải có số liệu chi tiết về dân số mới.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Bệnh nhân được chẩn đoán xác định lần đầu là ung thư phổi trong khoảng thời gian từ 01/01/2015 đến 31/12/2019.

- Địa chỉ thường trú tại Hà Nội.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Các trường hợp còn nghi ngờ về chẩn đoán: u chưa rõ bản chất, ranh giới giữa u lành và u ác.

- Ung thư phổi là thứ phát

2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Tất cả đối tượng phù hợp tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đều được tiếp cận và tuyển chọn.

Chọn mẫu

Để đảm bảo ghi nhận tối đa các trường hợp mắc ung thư phổi theo tiêu chuẩn nghiên cứu, hồ sơ bệnh án của bệnh nhân ung thư phổi tại tất cả các cơ sở y tế công lập và tư nhân trên địa bàn Hà Nội có khám và điều trị ung thư phổi đều được rà soát và thu thập thông tin.

2.5. Công cụ thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu là mẫu phiếu nghiên cứu được xây dựng dựa trên mẫu phiếu ghi nhận ung thư Hà Nội của Viện Ung thư Quốc gia, Bệnh viện K.

2.6. Quản lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch, xử lý và phân tích trên phần mềm Stata 15.0 và MS Excel.

Tỉ suất mắc mới ung thư phổi

Công thức tính

$$CR = \sum \frac{Số\ ca\ mắc\ mới\ ung\ thư\ phổi\ trong\ một\ khoảng\ thời\ gian}{Dân\ số\ trong\ khoảng\ thời\ gian\ đó} \times 100000$$

Tỉ suất mắc mới ung thư phổi chuẩn hóa theo tuổi theo phương pháp chuẩn hóa trực tiếp

Phân bố dân số Hà Nội từ năm 2015 đến 2019 được tính toán dựa vào dân số Hà Nội và tham chiếu với phân bố chuẩn thế giới.

Công thức tính:

$$ASR = \frac{\sum_{i=1}^{A} aiwi}{\sum_{i=1}^{A} wi}$$

Trong đó:

a_i là tỉ suất mắc đặc trưng (AspR) ở lớp tuổi i

$$(AspR = \frac{Số\ người\ mắc\ ung\ thư\ phổi\ ở\ lớp\ tuổi\ i}{Tổng\ số\ người\ ở\ lớp\ tuổi\ i})$$

w_i là dân số chuẩn trong lớp tuổi i

A số nhóm tuổi

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Tỉ suất mắc mới ung thư phổi thô tại Hà Nội theo giới và theo các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Năm	Tổng số ca mắc mới			CR/100 000 dân		
	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ	Chung
2015	1011	346	1357	28,7	9,4	18,8
2016	1081	417	1498	30,2	11,2	20,5
2017	1248	505	1753	34,2	13,4	23,6
2018	935	327	1262	25,2	8,6	16,8
2019	1115	404	1519	28,0	10,0	19,0
Tổng	5390	1999	7389	30,9	10,5	20,3

Nhận xét: Trong 5 năm từ 2015 đến 2019 tại địa bàn Thành phố Hà Nội đã ghi nhận được 7389 ca mắc mới ung thư phổi. Tỉ suất mắc mới ung thư phổi thô của nam cao gấp khoảng gần 3 lần nữ, và tỉ suất mắc mới ung thư phổi thô cao nhất là năm 2017 với 23,6 ca/100 000 dân. Tỉ suất mắc mới ung thư phổi thô giai đoạn 2015 – 2019 là 20,3 ca/100 000 dân.

Bảng 2. Tỉ suất mắc ung thư phổi đặc trưng theo tuổi tại Hà Nội giai đoạn 2015 – 2019

Nhóm tuổi	Tổng số ca mắc mới			CR/100 000 dân		
	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ	Chung
< 20	15	4	19	0,2	0,1	0,2
20 – 29	17	38	55	0,7	1,2	1,0
30 – 39	77	83	160	2,4	2,5	2,5
40 – 49	289	195	484	15,8	8,5	11,8
50 – 59	1547	486	2033	86,4	24,7	54,1
60 – 69	2047	629	2676	164,8	42,5	98,3
70 - 79	1046	367	1413	196,9	53,6	116,2
≥ 80	305	197	502	120,0	46,3	73,9
Tổng	5390	1999	7389	30,9	10,5	20,3

Nhận xét: Trong giai đoạn 2015 – 2019 tỉ suất mắc mới ung thư phổi đặc trưng theo tuổi cao nhất ở nhóm tuổi 70 – 79 (116,2 ca/100 000 dân), tiếp theo là nhóm tuổi 60 – 69 (98,3 ca/100 000 dân).

Bảng 3. Tỉ suất mắc mới ung thư phổi chuẩn hóa theo tuổi (ASR) tại Hà Nội giai đoạn 2015 – 2019 phân theo giới và theo các năm

Năm	ASR/100 000 dân		
	Chung	Nam	Nữ
2015	18,6	30,7	8,7
2016	20,2	32,1	10,4
2017	23,3	36,4	12,4
2018	16,5	27,0	7,9
2019	18,6	30,1	9,1
2015 – 2019	19,6	31,6	9,7

Nhận xét: Tỉ suất mắc ung thư phổi chuẩn hóa theo tuổi giai đoạn 2015- 2019 tại Hà Nội là 19,6/100 000 dân, trong đó cao nhất là năm 2017 với ASR là 23,3/100 000 dân. Nam giới có tỉ suất mắc ung thư phổi chuẩn hoá theo tuổi gấp khoảng 3 lần nữ giới.

Bảng 4. Phân bố ung thư phổi tại Hà Nội giai đoạn 2018 – 2019 theo khu vực nội/ngoại thành

STT	Khu vực	CR/100 000 dân	ASR/100 000 dân
		Năm 2018 – 2019	Năm 2018 – 2019
1	Nội thành	14,4	13,7
2	Ngoại thành	19,8	19,4

(Nội thành: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông, Hoàng Mai, Long Biên, Tây Hồ, Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm

Ngoại thành: Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Hoài Đức, Chương Mỹ, Thạch Thất, Quốc Oai, Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Đan Phượng, Mê Linh).

Nhận xét: Tỉ suất mắc ung thư phổi ngoại thành cao hơn nội thành, cả tỉ suất mắc thô (19,8 /100.000 và 14,4 /100.000) và tỉ suất chuẩn hóa theo tuổi (19,4/100.000 và 13,7/100.000).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ suất mắc mới ung thư phổi thô tại Hà Nội giai đoạn 2015 – 2019 là 20,3/100 000 dân, và tỉ suất mắc mới chuẩn theo tuổi là 19,6/100.000 dân, trong đó nam giới ASR là 31,6/100.000 dân, nữ giới 9,7/100.000 dân. So với thời gian trước đây, giai đoạn 1988-1990 tại Hà Nội, ung thư phổi ở nam giới có ASR là 24,1/100.000 dân và ở nữ giới là 3,6/100.000 dân[3]; và năm 2000 Hà Nội có tỉ suất mắc ung thư phổi chuẩn hóa theo tuổi là 33,1/100.000 dân ở nam và 6,8/100.000 dân ở nữ [4]. Như vậy ung thư phổi ở Hà Nội trong ba thập kỉ qua nói chung đang có xu hướng tăng lên, tuy nhiên trong đó ở nam giới hiện đang có xu hướng chững lại trong khi ở nữ lại gia tăng. Sự chững lại ở nam có thể do tỉ lệ hút thuốc lá ở nam đang giảm (72,8% năm 1997[5], xuống còn 47,4% năm 2010 và 45,3% năm 2015). Tuy nhiên ở nữ tỉ lệ mắc lại tăng lên trong khi tỉ lệ hút thuốc lá không cao và đang giảm (4,3% năm 1997[5], xuống còn 1,4% năm 2010 và 1,1% năm 2015). Xu hướng này tương tự ở các nước đã phát triển trên thế giới, cũng như trong khu vực châu Á, tuy nhiên sự khác biệt ở chỗ Việt Nam nói riêng và châu Á nói chung, tỉ lệ hút thuốc lá ở nữ thấp hơn các quốc gia phương Tây. Điều này phản ánh rõ ràng sự ảnh hưởng của các yếu tố không phải hút thuốc gây ra [6].

Trong nước, tỉ suất mắc mới ung thư phổi của Hà

Nội trong nghiên cứu này thấp hơn so với thành phố Hồ Chí Minh (với ASR ở nam là 35,1/100.000 dân, nữ là 11,6/100.000 dân năm 2016)[7]. So với các nước trong khu vực, Hà Nội có tỉ suất mắc chuẩn hóa theo tuổi cao hơn vùng Đông Nam Á nói chung (17,2/100.000 dân); trong đó, tỉ suất mắc mới ung thư phổi tại Hà Nội cao hơn Thái Lan (18,9/100.000 dân), Campuchia (14,9/100.000), Indonesia (12,8/100.000 dân), Malaysia (15,4/100.000 dân), thấp hơn Singapore (26,5/100.000 dân) và Lào (20,0/100.000 dân). So với các nước Đông Á thì Hà Nội có tỉ suất mắc mới ung thư phổi chuẩn hóa theo tuổi thấp hơn hẳn, với Hàn Quốc (25,5/100.000 dân), Trung Quốc (34,8/100.000 dân) và Nhật Bản (32,1/100.000 dân)[1]. Trên thế giới, Hà Nội có tỉ suất mắc ung thư phổi thấp hơn toàn thế giới nói chung (22,4/100.000 dân), thấp hơn nhiều các nước châu Âu, Nam Mỹ và châu Úc. Sự khác biệt này chủ yếu đến từ sự khác biệt về tỉ lệ hút thuốc lá giữa các vùng vào khoảng vài thập kỉ trước.

5. KẾT LUẬN

Tổng số ca mắc mới ung thư phổi tại Hà Nội giai đoạn 2015 – 2019 là 7389 ca. Trong đó: Tỉ suất mắc thô chung của hai giới là 20,3/100.000 dân. Tỉ suất mắc thô ở nam là 30,9/100.000 dân. Tỉ suất mắc thô ở nữ là 10,5/100.000 dân. Tỉ suất mắc mới ung thư phổi đặc trưng theo tuổi cao nhất ở nhóm tuổi 70 – 79 (116,2 ca/100.000 dân). Tỉ suất mắc chuẩn hóa theo tuổi chung của hai giới là 19,6/100.000 dân. Tỉ suất mắc chuẩn hóa theo tuổi ở nam là 31,6/100.000 dân. Tỉ suất mắc chuẩn hóa theo tuổi ở nữ là 9,7/100.000 dân. Tỉ suất mắc ung thư phổi ngoại thành cao hơn nội thành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] WHO, GLOBOCAN Lung fact sheet. 2020.

[2] Huong TTT, Lung Cancer in Vietnam. Journal of Thoracic Oncology, 2021. 16.

[3] Anh PT, Cancer in the population of Hanoi, Vietnam, 1988-1990. Br J Cancer, 1993. 68(6): p. 1236-42.

[4] Anh PH, Cancer Registration in Vietnam. Asian Pacific Journal of Cancer Prevention, 2001. 2.

[5] Jenkins CNH, Tobacco Use in Vietnam: Prevalence, Predictors, and the Role of the Transnational Tobacco Corporations. JAMA, 1997. 277(21): p. 1726-1731.

[6] Zhang Y, International trends in lung cancer incidence from 1973 to 2007. Cancer Med, 2018. 7(4): p. 1479-1489.

[7] Phạm Xuân Dũng, Kết quả ghi nhận ung thư quần thể thành phố Hồ Chí Minh 2016. Tạp chí Ung thư học Việt Nam, 2019.